

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1104/BTTTT - CNTT

V/v Cung cấp thông tin phục vụ công tác
quản lý nhà nước về lĩnh vực đào tạo và
phát triển nguồn nhân lực CNTT

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2018

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số: 381	ĐẾN
Ngày: 04/5/18	Chuyển:
Lưu hồ sơ số:	Thực

Kính gửi: Các trường đại học, cao đẳng và trung cấp

Thực hiện Quyết định 488/QĐ-BTTTT ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Phương án điều tra khảo về tình hình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT năm 2018, nhằm cập nhật dữ liệu của các cơ sở đào tạo về lĩnh vực CNTT và ban hành các cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy sự phát triển nguồn nhân lực CNTT, Bộ Thông tin và Truyền thông kính đề nghị Quý Trường cung cấp thông tin theo mẫu phiếu thu thập thông tin về hoạt động đào tạo nhân lực CNTT năm 2018. Bản mềm có tại Cổng thông tin điện tử của Bộ (mic.gov.vn) mục: Số liệu - Báo cáo/ Tài liệu.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính đề nghị Quý Trường hoàn thiện Phiếu và gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông **trước ngày 30/5/2018** theo cách sau:

- Bản cứng gửi về theo địa chỉ: *Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông, 18 Nguyễn Du, Hà Nội.*

- Bản mềm gửi về địa chỉ email: nvdung@mic.gov.vn. Để thuận lợi cho công tác tổng hợp và thống kê, đề nghị Quý Trường sử dụng tiêu đề email theo định dạng: [ĐTNL-2018] <Tên cơ sở đào tạo> (Ví dụ: ĐTNL-2018 Đại học Bách Khoa Hà Nội).

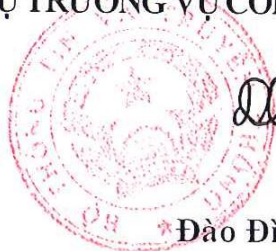
Thông tin chi tiết, xin liên hệ: Ông Nguyễn Việt Dũng, Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông; Điện thoại: (024) 3944.7887.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr. Nguyễn Thành Hưng (để b/c);
- Lưu: VT, CNTT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Đào Đình Khả



PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2018

- Thực hiện Quyết định số 488/QĐ-BTTTT ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Ban hành Phương án điều tra khảo sát tình hình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực CNTT năm 2018

- Căn cứ quy định tại Điều 10, 13 và 32 của Luật Thống kê về nghĩa vụ cung cấp thông tin.

- Thông tin thu thập tại phiếu khảo sát này được sử dụng để xây dựng các chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển CNTT, các ấn phẩm nhằm quảng bá về tình hình phát triển công nghiệp và dịch vụ CNTT Việt Nam cũng như về các cơ sở đào tạo về CNTT Việt Nam như Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông 2018, cũng như các báo cáo, ấn phẩm khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Nguyên tắc điền phiếu

Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, đề nghị đánh dấu X vào câu trả lời thích hợp nhất.

Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, đề nghị ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

PHẦN A - THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

I. TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO (SAU ĐÂY GỌI TẮT CƠ SỞ) - viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu

1. Tên tiếng Anh (nếu có):

2. Tên viết tắt (nếu có):

3. Ngày thành lập:

4. Cơ quan chủ quản
(Là cơ quan ra trực tiếp ra quyết định về điều lệ, tổ chức hoạt động)

5. Tổng số phòng ban: 6. Tổng số khoa, viện đào tạo:

7. Số khoa đào tạo về CNTT-TT:

Trong đó gồm: Khoa, viện về CNTT Tên cụ thể:

Khoa, viện về ĐTVT Tên cụ thể:

Ghi chú:

- Khoa, viện đào tạo về công nghệ thông tin (CNTT) bao gồm: Khoa học máy tính, Kỹ thuật máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, Công nghệ truyền thông, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Kỹ thuật phần mềm, Sư phạm tin học, Tin học ứng dụng, An toàn thông tin...

- Khoa, viện đào tạo về điện tử viễn thông (ĐTVT) bao gồm: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật viễn thông, Điện tử tin học, Hệ thống nhúng, Sư phạm điện tử, ...

II. ĐỊA CHỈ CƠ SỞ:

1. Tỉnh/ TP trực thuộc trung ương:

2. Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh):

3. Xã/phường/thị trấn:

4. Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

5. Số điện thoại : Mã khu vực Số máy

6. Số fax :

7. Email :

III. LOẠI HÌNH TRƯỜNG, TRÌNH ĐỘ VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Loại trường

- ☐ 1. Đại học ☐ 2. Cao đẳng ☐ 3. Trung cấp ☐ 4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp

2. Loại hình cơ sở đào tạo

- ☐ 1. Công lập
☐ 2. Dân lập / tư thực
☐ 3. Có vốn đầu tư nước ngoài
☐ 4. Loại hình khác (ghi rõ)

3. Hình thức đào tạo

- ☐ 1. Chính quy
☐ 2. Vừa học vừa làm
☐ 3. Từ xa
☐ 4. Trực tuyến

- ☐ 5. Loại khác (ghi rõ)

4. Trình độ đào tạo

- ☐ 1. Tiến sĩ
☐ 2. Thạc sĩ
☐ 3. Đại học
☐ 4. Cao đẳng
☐ 5. Trung cấp
☐ 6. Sơ cấp
☐ 7. Chứng chỉ

5. Phương thức đào tạo

- ☐ 1. Niên chế
☐ 2. Tín chỉ
☐ 3. Kết hợp niên chế và tín chỉ
☐ 4. Loại khác (ghi rõ)

IV. THÔNG TIN VỀ HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

1. Họ và tên:

Mã khu vực

Số máy

2. Số điện thoại cố định:

3. Số điện thoại di động

4. Hộp thư điện tử

PHẦN B. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

I. HỌC SINH, SINH VIÊN, HỌC VIÊN

1. Chỉ tiêu tuyển sinh cho Ngành (Ghi rõ chỉ tiêu cho từng ngành cụ thể)

1.1 Ngành CNTT (bao gồm cả ATTT)

Năm 2016

Năm 2017

Năm 2018

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:

e. Trung cấp chuyên nghiệp:

f. Cao đẳng nghề:

g. Trung cấp nghề:

h. Chứng chỉ tốt nghiệp:

1.2 Ngành ATTT

Năm 2016

Năm 2017

Năm 2018

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:

e. Trung cấp chuyên nghiệp:

f. Cao đẳng nghề:

g. Trung cấp nghề:

h. Chứng chỉ tốt nghiệp:

1.3 Ngành ĐTVT

Năm 2016

Năm 2017

Năm 2018

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:

e. Trung cấp chuyên nghiệp:

f. Cao đẳng nghề:

g. Trung cấp nghề:

h. Chứng chỉ tốt nghiệp:

2. Số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên, học viên thực tế được tuyển (Ghi rõ số lượng sinh học viên, sinh viên được tuyển trong từng ngành)

2.1 Ngành CNTT (bao gồm cả ATTT)

Năm 2016

Năm 2017

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:

e. Trung cấp chuyên nghiệp:

f. Cao đẳng nghề:

g. Trung cấp nghề:

h. Chứng chỉ tốt nghiệp:

2.2 Ngành ATTT

Năm 2016

Năm 2017

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:		
e. Trung cấp chuyên nghiệp:		
f. Cao đẳng nghề:		
g. Trung cấp nghề:		
h. Chứng chỉ tốt nghiệp:		

2.3 Ngành ĐTVT

	Năm 2016	Năm 2017
a. Tiến sĩ:		
b. Thạc sĩ:		
c. Đại học:		
d. Cao đẳng:		
e. Trung cấp chuyên nghiệp:		
f. Cao đẳng nghề:		
g. Trung cấp nghề:		
h. Chứng chỉ tốt nghiệp:		

3. Số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên, học viên đang theo học tại cơ sở đào tạo (Ghi rõ số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên được tuyển trong từng ngành)

3.1 Ngành CNTT (bao gồm cả ATTT)

	Năm 2016	Năm 2017
a. Tiến sĩ:		
b. Thạc sĩ:		
c. Đại học:		
d. Cao đẳng:		
e. Trung cấp chuyên nghiệp:		
f. Cao đẳng nghề:		
g. Trung cấp nghề:		
h. Chứng chỉ tốt nghiệp:		

3.2 Ngành ATTT

	Năm 2016	Năm 2017
a. Tiến sĩ:		
b. Thạc sĩ:		
c. Đại học:		
d. Cao đẳng:		
e. Trung cấp chuyên nghiệp:		
f. Cao đẳng nghề:		
g. Trung cấp nghề:		
h. Chứng chỉ tốt nghiệp:		

3.3 Ngành ĐTVT

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:

e. Trung cấp chuyên nghiệp:

f. Cao đẳng nghề:

g. Trung cấp nghề:

h. Chứng chỉ tốt nghiệp:

4. Số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên tốt nghiệp hàng năm (Ghi rõ số lượng nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên tốt nghiệp của từng ngành)**4.1 Ngành CNTT (bao gồm cả ATTT)**

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:

e. Trung cấp chuyên nghiệp:

f. Cao đẳng nghề:

g. Trung cấp nghề:

h. Chứng chỉ tốt nghiệp:

4.2 Ngành ATTT

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:

e. Trung cấp chuyên nghiệp:

f. Cao đẳng nghề:

g. Trung cấp nghề:

h. Chứng chỉ tốt nghiệp:

4.3 Ngành ĐTVT

a. Tiến sĩ:

b. Thạc sĩ:

c. Đại học:

d. Cao đẳng:

e. Trung cấp chuyên nghiệp:

Năm 2016

Năm 2017

Năm 2016

Năm 2017

Năm 2016

Năm 2017

Năm 2016

Năm 2017

f. Cao đẳng nghề:

g. Trung cấp nghề:

h. Chứng chỉ tốt nghiệp:

II. SỐ LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CNTT (chỉ thống kê các giảng viên cơ hữu của trường, không tính các giảng viên thỉnh giảng)

1. Ngành CNTT (bao gồm cả ATTT) (Đơn vị tính: Người)

Năm 2017

a. Giáo sư

b. Phó Giáo sư

c. Tiến sĩ

c. Thạc sĩ

d. Kỹ sư/cử nhân

2. Ngành ATTT (Đơn vị tính: Người)

Năm 2017

a. Giáo sư

b. Phó Giáo sư

c. Tiến sĩ

c. Thạc sĩ

d. Kỹ sư/cử nhân

3. Ngành ĐTVT (Đơn vị tính: Người)

Năm 2017

a. Giáo sư

b. Phó Giáo sư

c. Tiến sĩ

c. Thạc sĩ

d. Kỹ sư/cử nhân

III. ĐỔI MỚI VỀ ĐÀO TẠO

Trong thời gian qua, các khoa viện của trường đã có những thay đổi về chương trình và nội dung đào tạo để phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hay không?

☐

Không

☐

Có, cụ thể các nội dung sau:

☐

Trí tuệ nhân tạo (AI)

☐

Dữ liệu lớn (Bigdata)

☐

Internet vạn vật (IoT)

☐ Robotíc

☐ Khác (Nêu rõ)

IV. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO (Đơn vị tính: %)

Năm 2017

Tỷ lệ sinh viên CNTT sau 01 năm tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên
1. ngành (kể cả tự kinh doanh đúng chuyên ngành):

2. Tỷ lệ sinh viên CNTT tốt nghiệp có chứng chỉ quốc tế về CNTT (như
CCNA, MCSP, Compti A...)

3. Tỷ lệ sinh viên CNTT tốt nghiệp có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế
(TOEIC, IELTS, TOEFL...)

4. Tỷ lệ sinh viên CNTT tốt nghiệp có chứng chỉ đạt Chuẩn kỹ năng
quốc tế về CNTT (như FE, IP...)

5. Tỷ lệ sinh viên CNTT tốt nghiệp đã qua đào tạo các khoá kỹ năng
mềm (thuyết trình, làm việc nhóm...)

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (Về chính sách của nhà nước)

Ghi chú: - Đánh dấu X vào các phần dưới đây và nêu cụ thể các đề xuất tương ứng
- Trường hợp không có đề xuất, kiến nghị gì thì kết thúc phiếu điều tra

☐ 1. Chính sách hỗ trợ

☐ 2. Chương trình đào tạo

☐ 3. Kinh phí

☐ 4. Nguồn nhân lực

☐ 5. Nội dung khác

VI. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT

(Áp dụng với các đơn vị đào tạo triển khai tổ chức thi và cấp chứng chỉ CNTT theo Thông tư
liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT)

Ghi chú: - Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản được hiểu bao gồm cả 6 mô đun quy định tại
thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.
- Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao được hiểu là từng mô đun quy định tại thông
tư số 03/2014/TT-BTTTT.

1. Thời điểm cấp chứng chỉ lần đầu

2. Tình hình triển khai đào tạo	Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản		Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao	
	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017
a. Số khóa đào tạo đã triển khai (Đơn vị tính: Khóa)				
b. Số lượt học viên đã đào tạo (Đơn vị tính: Người)				
c. Học phí trung bình 1 khóa đào tạo (Đơn vị tính: VNĐ)				
d. Thời gian đào tạo trung bình (Đơn vị tính: Ngày)				
e. Trang thông tin điện tử chính về việc tuyển sinh				

3 Tình hình triển khai thi và cấp chứng chỉ

	Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản		Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT nâng cao	
	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017
a. Số đợt thi đã triển khai (Đơn vị tính: Đợt)				
b. Số lượt thí sinh đã đăng ký thi (Đơn vị tính: Người)				
c. Số lượng chứng chỉ đã cấp (Đơn vị tính: Chứng chỉ)				
d. Lệ phí thi và cấp chứng chỉ (Đơn vị tính: VNĐ)				

3. Thông tin khác

- a. Số lượng giảng viên cơ hữu
(Đơn vị tính: Người)
- b. Số lượng câu hỏi trong ngân hàng thi
(Đơn vị tính: Câu hỏi)

....., ngày tháng năm 2018

Người trả lời phiếu

Ký:

Đại diện cơ sở đào tạo

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Họ và tên:

Số điện thoại:

Email:

Ghi chú: Tài bản mềm phiếu khảo sát tại: <http://mic.gov.vn/solieubaocao/Pages/ChuyenMuc/177/Tai-lieu.html>